

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự chuyển sang vụ án dân sự thụ lý số: 104/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh K

- *Bị đơn*: Anh Đinh Quang V, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 5 Điều 397 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh K và anh Đinh Quang V, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Đinh Quang V, thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V chấm dứt kể từ ngày ra quyết định.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Đinh Quang V có một con chung là Đinh Thiện N, sinh ngày 29/10/2022, chị H đồng ý giao con chung Đinh Thiện N cho anh Đinh Quang V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, theo bản cam kết về việc giao con dưới 36 tháng tuổi của chị H và anh V ngày 11/01/2024. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Đinh Quang V nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), chuyển số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) trong số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh V đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho anh Đinh Quang V 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai ký hiệu: BLTU/23 Số: 0001945 ngày 14-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- UBND xã Đ, huyện N;
- TAND tỉnh K;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bá Khen